



\*

# KẾT CỤC THAI KỲ CÓ CỐ TỬ CUNG NGẮN Ở THAI PHỤ ĐẾN KHÁM TẠI BỆNH VIỆN ĐKKV LONG KHÁNH

*THS. BS NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG & CS  
BV ĐKKV LONG KHÁNH*

# NỘI DUNG

- I.** ĐẶT VẤN ĐỀ
- II.** MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU
- III.** ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NC
- IV.** KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN
- V.** KẾT LUẬN
- VI.** KIẾN NGHỊ



# I. ĐẶT VẤN ĐỀ

- \* Sinh non (22-<37 tuần) là một trong những nguyên nhân hàng đầu dẫn đến tăng tử suất và bệnh suất chu sinh
- \* Tỷ lệ trẻ sinh non/nhẹ cân chiếm 19% (2011). Tỷ lệ tử vong sơ sinh chiếm 70,4% tử vong ở trẻ dưới 1 tuổi
- \* Có nhiều yếu tố nguy cơ sinh non từ mẹ và thai
- \* Cổ tử cung (CTC) ngắn là một trong những yếu tố tiên đoán sớm nguy cơ sinh non

# I. ĐẶT VẤN ĐỀ

\* Chiều dài CTC càng ngắn, nguy cơ sinh non càng cao ( $\leq 26\text{mm}$ ,  $\leq 20\text{mm}$  và  $\leq 13\text{mm}$  thì nguy cơ sinh non lần lượt là 6,19%, 9,49% và 13,99%)

\* Hướng dẫn lâm sàng dự phòng và điều trị sinh non của Hội Phụ Sản Việt Nam:

Khuyến cáo đo chiều dài CTC thường quy vào tuổi thai 19 đến 23 6/7 tuần

Sử dụng progesterone ngả âm đạo khi CTC dưới 25mm đến 36 tuần 6 ngày

# I. ĐẶT VẤN ĐỀ

- \* Năm 2016 tại BV ĐKKV Long Khánh có 602 ca sinh <37 tuần/ tổng số 7500 ca sinh sống
- \* Khảo sát thử khoảng 219 ca chúng tôi phát hiện 11 ca có CTC ngắn (#5%). Đây chỉ là ghi nhận khi quan sát một số ít trường hợp
- \* Chưa có quy trình đo CTC thường quy ở nhóm thai phụ nguy cơ cao sinh non tại BV Long Khánh
- \* Thực hiện NC nhằm trả lời câu hỏi:

*Tỷ lệ có chiều dài CTC ngắn ở thai phụ đến khám tại BVĐK Long Khánh là bao nhiêu và xác định các kết cục thai kỳ có CTC ngắn*



# II. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

## MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Xác định các kết cục thai kỳ có chiều dài CTC ngắn ở thai phụ đến khám tại BVĐK Long Khánh

## MỤC TIÊU CỤ THỂ

- 1. Xác định tỷ lệ có chiều dài CTC ngắn*
- 2. Xác định tỷ lệ có chiều dài CTC ngắn phân bố theo tuổi mẹ khi mang thai, dân tộc, nghề nghiệp, tiền sử sanh non, tuổi thai, tiền thai, tiền sử sản phụ khoa*
- 3. Xác định tỷ lệ các kết cục thai kỳ ở những thai phụ có CTC ngắn*

# III. ĐỐI TƯỢNG VÀ PP NC

## CỖ MẪU

Tính theo công thức ước lượng một tỷ lệ:

$$n = \frac{Z_{(1-\alpha/2)}^2 P(1-P)}{d^2}$$

\*Trong đó :

$Z_{(1-\alpha/2)} = 1,96$  (độ tin cậy 95 %)

$p = 0,05$  (nghiên cứu của Palma-Dias )

$d = 0,02$  ( sai số cho phép)

$\rightarrow n = 456,19 \approx 457$  người

# III. ĐỐI TƯỢNG VÀ PP NC

Dân số NC: Thai phụ đến khám thai tại khoa sản BV ĐKKV Long Khánh

Tiêu chuẩn nhận vào:

\*Đơn thai, đồng ý tham gia nghiên cứu

\*Tuổi thai:

- 18 - 24 tuần không có tiền căn sinh non, khảo sát 1 lần.
- 14- 24 tuần nếu có tiền căn sinh non từ 14-27 tuần
- 16- 24 tuần nếu có tiền căn sinh non từ 28-36 tuần



# III. ĐỐI TƯỢNG VÀ PP NC

## Tiêu chuẩn loại trừ

- \* Sản phụ có tiền sử bệnh lý suy gan, suy thận nặng, tâm thần, câm điếc, tiền sử khoét chóp cổ tử cung
- \* Tử cung dị dạng, u xơ tử cung
- \* Nhau tiền đạo
- \* Thai chậm tăng trưởng, thai dị tật

*Các số liệu thu thập được mã hóa, nhập và quản lý bằng phần mềm Epidata 3.1 và xử lý bằng phần mềm thống kê Stata 10.0.*

# III. ĐỐI TƯỢNG VÀ PP NC

Thỏa tiêu chuẩn  
nhận vào

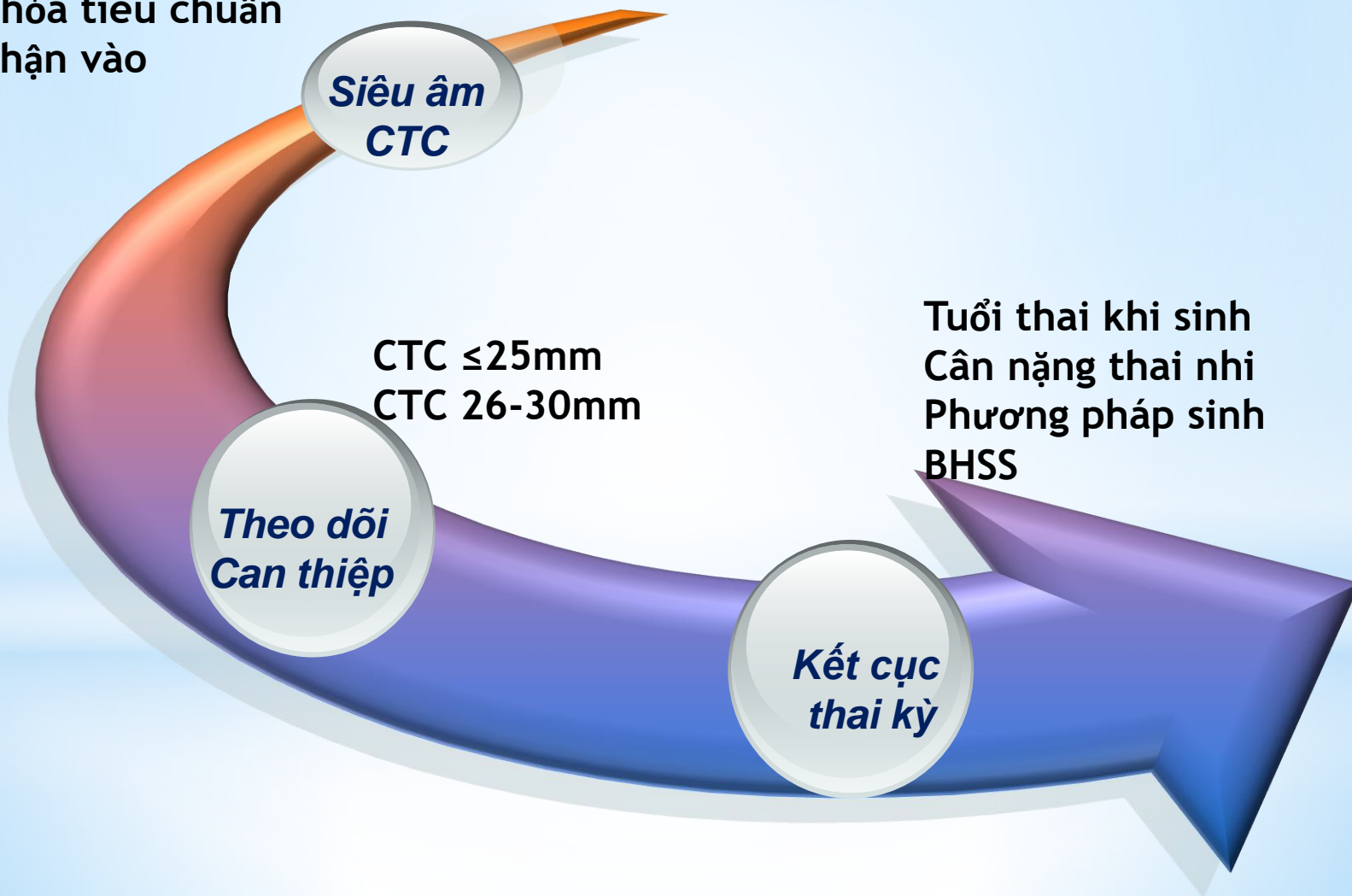
***Siêu âm  
CTC***

CTC  $\leq 25\text{mm}$   
CTC 26-30mm

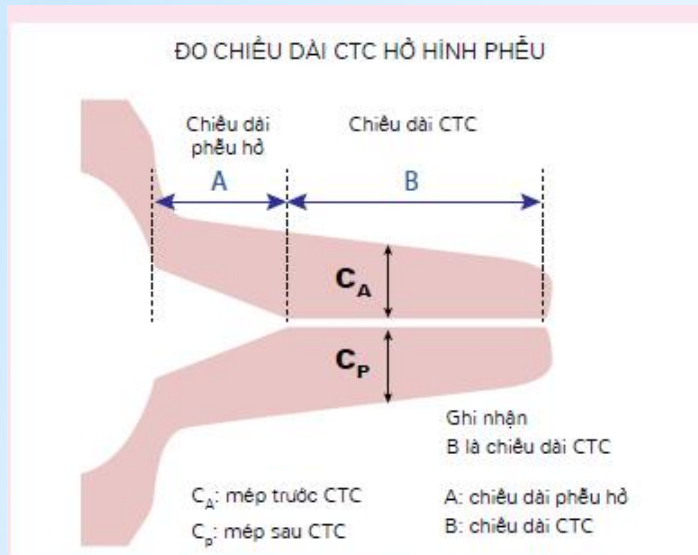
***Theo dõi  
Can thiệp***

Tuổi thai khi sinh  
Cân nặng thai nhi  
Phương pháp sinh  
BHSS

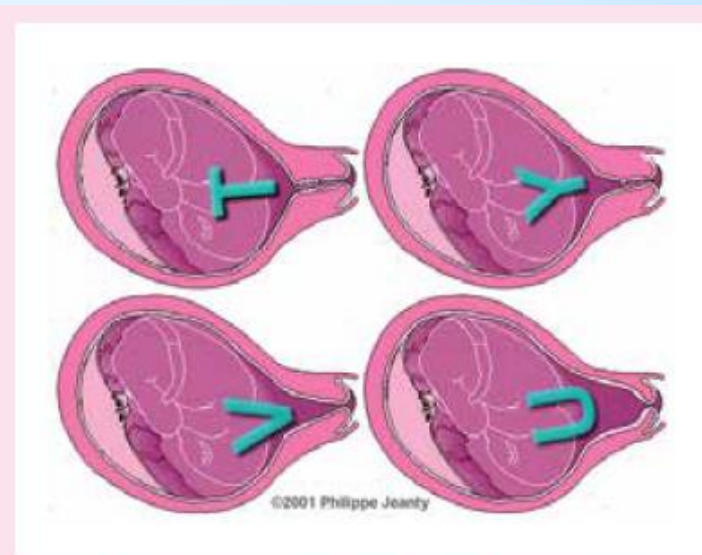
***Kết cục  
thai kỳ***



# PP ĐO CHIỀU DÀI CTC



Hình 1. Đo chiều dài CTC trường hợp CTC hở hình phễu



Hình 2. Các dạng hở hình phễu của lỗ trong CTC



Hình 3. CTC hở chữ T trên siêu âm: lỗ trong CTC hở chữ T



Hình 4. CTC hở chữ Y trên siêu âm: lỗ trong CTC hở chữ Y



Hình 5. CTC hở chữ V trên siêu âm: lỗ trong CTC hở chữ V



Hình 6. CTC hở chữ U trên siêu âm: lỗ trong CTC hở chữ U



# Hình SA chiều dài CTC ngã AĐ



# IV. KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

*\* Trong thời gian từ tháng 01-10/2018 chúng tôi thu nhận vào mẫu nghiên cứu 457 thai phụ đến khám thai tại khoa sản BV ĐKKV Long Khánh, có kết quả như sau:*



# Đặc điểm chung của đối tượng nc

Yếu tố	Số người (n=457)	Tỷ lệ (%)
<b>Tuổi (<math>TB \pm DLC</math>)</b>	<b>28,4<math>\pm</math> 4,6</b>	
<b>Nhóm tuổi</b>		
≤20	13	2,8
21-34	399	87,3
≥35	45	9,9
<b>Địa chỉ</b>		
Long khánh	172	37,6
Nơi khác	285	62,4
<b>Nghề nghiệp</b>		
Công nhân	72	15,8
Công nhân viên	66	14,4
Nội trợ	121	26,5
Khác	198	43,3

# Đặc điểm chung của đối tượng nc

Yếu tố	Số người (n=457)	Tỷ lệ (%)
<i>Tuổi (TB<math>\pm</math>ĐLC)</i>	28,4 $\pm$ 4,6	
Trình độ học vấn		
< cấp 3	127	27,8
$\geq$ cấp 3	330	72,2
Dân tộc		
Kinh	440	96,3
Dân tộc khác	17	3,7

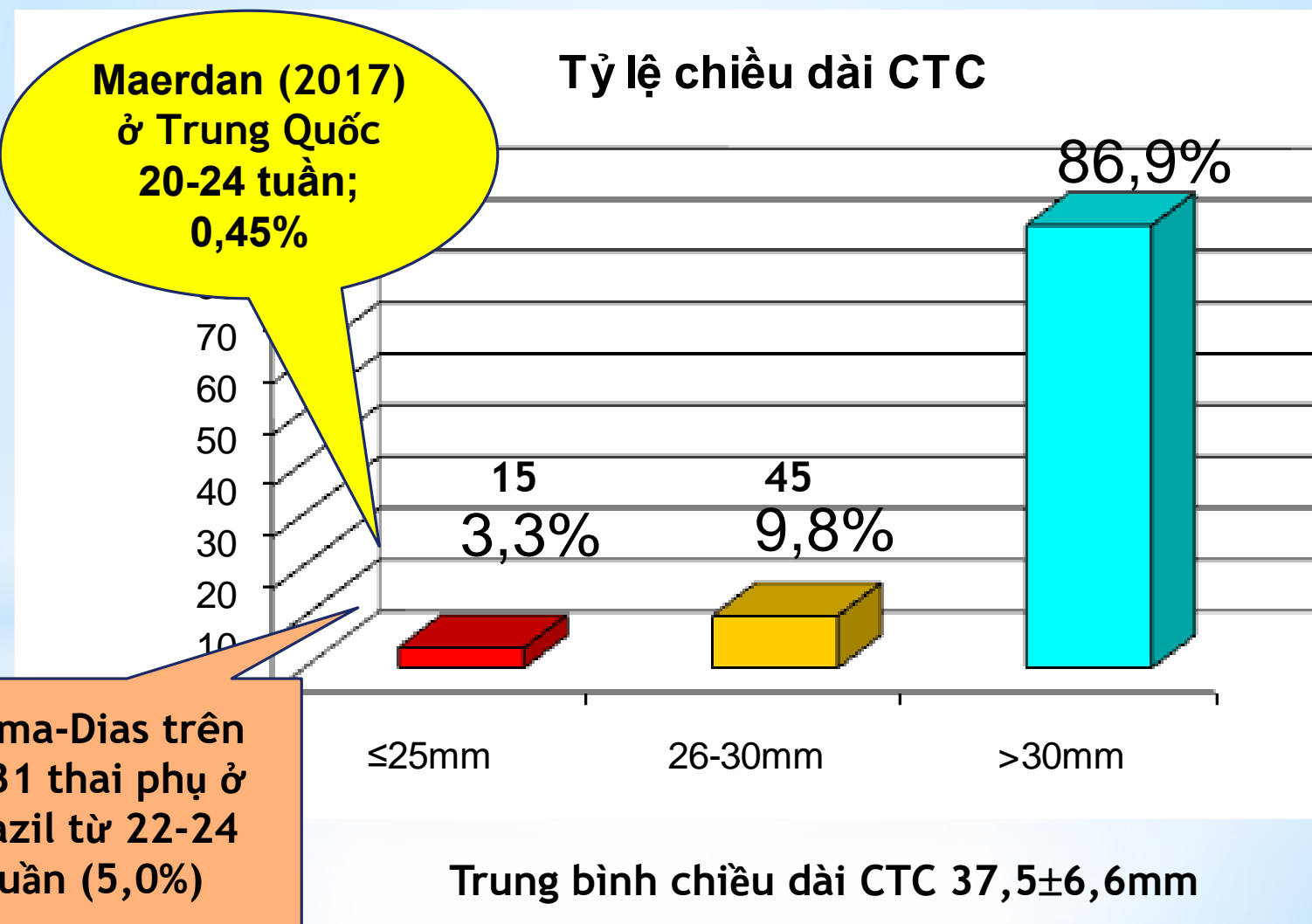
# Đặc điểm sản khoa

Tuổi thai hiện tại	Số người (n=457)	Tỷ lệ (%)
14-18 tuần	3	0,67
>18-24 tuần	454	99,3
para		
Con so	235	51,4
Con rạ lần 2	177	38,7
Con rạ lần 3 trở lên	45	9,9

# Tiền sử sản phụ khoa

Tiền sử	Số người (n=457)	Tỷ lệ (%)
Có sinh non	6	1,3
Không sinh non	451	98,7
Có sinh mổ	91	19,9
Không sinh mổ	366	80,1
Có nạo phá thai	54	11,8
Không phá thai	403	88,2

# [1] TỶ LỆ CÓ CỔ TỬ CUNG NGẮN





## [2] Các mối liên quan

- \*Khuyết điểm của nghiên cứu chúng tôi là chưa khảo sát được mối liên quan giữa tiền căn sinh non và chiều dài CTC ngắn do thiết kế mô tả cắt ngang không đủ mạnh để tính toán các yếu tố liên quan như tác giả Palma-Dias tìm thấy tỷ lệ có CTC ngắn  $\leq 15\text{mm}$  cao hơn trong nhóm BMI thấp, trong nhóm có tiền sử sẩy thai to và sinh non.
- \*Thiết nghĩ cần có nghiên cứu với cỡ mẫu lớn hơn và thời gian dài hơn để khảo sát sâu hơn về yếu tố liên quan.

# [3] Kết cục thai kỳ có CTC ngắn

Đặc điểm thai kỳ CTC ngắn	Số người (n=11)
Thời điểm sinh >37-39 tuần	11
Cân nặng thai nhi $\geq 2500g$	11
Phương pháp sinh	9 sinh thường 2 sinh mổ
Băng huyết sau sinh	0

*Có 15 ca CTC ngắn: 11 ca đã sinh, còn 4 ca đang theo dõi ở tuổi thai 34-36 tuần*

<b>Đặc điểm thai kỳ CTC ngắn</b>	<b>Số người (n=15)</b>
<b>Tuổi mẹ:</b> 25-34 tuổi	14
35 tuổi	1
<b>Para</b> con so	5
Con rạ lần 2	9
Con lần 3	1
<b>Tiền căn sinh non</b>	1
<b>Chiều dài CTC</b> 20-25mm	9
<20 mm	6
<b>Tuổi thai</b> 18-24 tuần	15
<b>Sử dụng progesterone</b>	15 (2 ca đặt vòng nâng CTC)

# V. KẾT LUẬN

1. Tỷ lệ thai phụ có CTC ngắn là 3,3% với trung bình chiều dài CTC là  $37,5 \pm 6,6$ mm
2. Không tìm được mối liên quan giữa CTC ngắn với các đặc điểm của nhóm nghiên cứu
3. Có 11 thai phụ CTC ngắn đều sinh ở tuổi thai  $\geq 37$  tuần với cân nặng thai nhi 2900-3400g, sinh thường 9 ca, sinh mổ 2 ca, không bị băng huyết sau sinh.

## VI. KIẾN NGHỊ

1. Siêu âm đo chiều dài CTC qua ngã AĐ phải được thực hiện như là một phần siêu âm thường qui ở quý 2 của thai kỳ.
2. Đào tạo rộng rãi cho bs sản khoa và bs CĐHA thực hiện đúng kỹ thuật SA chiều dài CTC
3. Cần một nghiên cứu với quy mô lớn hơn để có được tỷ lệ CTC ngắn và trung bình chiều dài CTC trên người Việt Nam chính xác hơn.



# TÀI LIỆU THAM KHẢO

- \* 1. Cunningham. (2018). Chapter 42: Preterm Birth. In *Williams obstetrics* (25th ed.)
- \* 2. Hội phụ sản Việt Nam (2016), "Hướng dẫn lâm sàng dự phòng và điều trị Sinh non".
- \* 3. Lê Quang Thanh (2016), "Dự phòng sinh non ở thai phụ cổ tử cung ngắn bằng progesteron". *Y học sinh sản*, 37, 5-7.
- \* 4. Maerdan M, S. C., Zhang X, Fan L, (2017), "The prevalence of short cervix between 20 and 24 weeks of gestation and vaginal progesterone for prolonging of gestation". *J Matern Fetal Neonatal Med*, 30(14), 1646-1649.
- \* 5. Nguyễn Quốc Tuấn (2016), "Các yếu tố thuận lợi sinh non". *Y học sinh sản*, 37, 25-30.
- \* 6. Phan Ngọc Minh (2016), "Cập nhật về phương pháp đo cổ tử cung trong dự đoán sinh non". *Y học sinh sản*, 37, 60-62.
- \* 7. Phan Ngọc Minh, P. T. P. A. (2014). Cập nhật các yếu tố nguy cơ của sinh non. In *Sản phụ khoa- Từ bằng chứng đến thực hành 5* (pp. 57-64)
- \* 8. R.S. Palma-Dias, M. M. F., N.R. Stein, A.P. Schmidt and J.A. Magalhães, (2004), "Relation of cervical length at 22-24 weeks of gestation to demographic characteristics and obstetric history". *Brazilian Journal of Medical and Biological Research*, 37(ISSN 0100-879X), 737-744.



CHÂN THÀNH CẢM ƠN!